

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **06/2024/HNGĐ-PT**

Ngày: 06-7-2024

V/v “*Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liên**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

Bà **Lê Thị Anh Đào**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Trung Hiếu** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **07/2024/TLPT-HNGĐ** ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc “*Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số **76/2024/HNGĐ-ST** ngày 25/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **10/2024/QĐXXDS-PT** ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Hồ Thị Kim O**, sinh năm 1989; Địa chỉ: tổ dân phố số B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Phan Thanh M**, sinh năm 1983; Địa chỉ: số F, đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1953; Địa chỉ: M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Nguyễn Thị Tuyết S** – Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; Địa chỉ: tổ C, khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hồ Thị Kim O trình bày:

Về tình hình hôn nhân: Bà và ông M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T năm 2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xích mích, nguyên nhân do ông M và gia đình ông M không tin tưởng bà, ông M không chia sẻ với bà mà luôn nghe theo lời mẹ, ông M không tự quyết định những vấn đề riêng tư của hai vợ chồng mà mọi việc đều do mẹ ông M quyết định. Đến tháng 12/2022, bà xin gia đình chồng cho bà về nhà mẹ ruột của bà ăn tết nhưng gia đình chồng không cho, nói lấy chồng phải lo cho gia đình chồng, bà bức xúc và bỏ về nhà mẹ bà ở từ đó đến nay, từ đó đến nay vợ chồng bà phần ai nấy sống, không ai quan tâm tới nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông M nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Phan Hồ Ngọc D, sinh ngày 28/12/2016 và cháu Phan Hồ Ánh N, sinh ngày 05/3/2019. Nguyên vọng của bà khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và giao cháu D cho ông M nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, vì cháu N còn nhỏ, lại bị tự kỷ nếu giao cháu N cho bà nuôi sẽ tốt hơn ông M. Ông M cho rằng bà không có thu nhập, không có chỗ ở ổn định là không đúng, vì hiện tại bà đang bán tàu hủ đá, có thu nhập ổn định và đang ở nhà mẹ ruột của bà. Đồng thời, trước đó khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà có nói với ông M là bà muốn ly hôn và bà sẽ nuôi cháu N, ông M nuôi cháu D thì ông M đã đồng ý, nên khi bà bỏ về nhà mẹ ruột thì bà dẫn cháu N theo và đã cho cháu đi học tại nhà trẻ dạy tự kỷ. Đến tháng 5/2023, ba ruột của bà tự ý dẫn cháu N ra nhà ông M mà không nói với bà, khi bà đến trường học đón cháu thì cô giáo nói cháu không đi học, bà điện thoại cho ba của bà thì ông nói là ông đang dẫn cháu N ra ông nội chơi vài ngày vì ông nội nhớ cháu, nhưng sau đó ba của bà không dẫn cháu N vào lại và ông nói gia đình ông M có điều kiện hơn để gia đình ông M nuôi, hơn nữa ba của bà cũng muốn vợ chồng bà quay lại với nhau nên mới làm như vậy. Sau đó, bà nhắn tin cho ông M nói dẫn cháu N vào cho bà, nhưng ông M không đồng ý và quá trình nhắn tin thì bà và ông M nhắn rất nhiều nội dung, trong quá trình nhắn tin, bà bức xúc nên mới nhắn nếu ông M đưa tiền cho bà thì bà sẽ không gặp hai con nữa, chứ không phải bà đòi nuôi cháu N là vì tiền.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Phan Thanh M trình bày:

Về tình hình hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của bà Hồ Thị Kim O về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhiều xích mích, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng ông đã ly thân phần ai nấy sống không quan tâm nhau từ tháng 12/2022 cho đến nay. Vì cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông M thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà O.

Về con chung: Ông và bà có hai con chung là cháu Phan Hồ Ngọc D, sinh ngày 28/12/2016 và cháu Phan Hồ Ánh N, sinh ngày 05/3/2019. Khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, ông

không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con. Bà O đòi nuôi cháu N không phải vì yêu thương mà vì tiền và hiện nay bà O không có công việc làm ổn định, không có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân và không có chỗ ở ổn định. Còn ông có thu nhập ổn định, hiện hai cháu đang ở với ông, nếu tách hai cháu ra sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu N, tuy cháu N bị tự kỷ nhưng ông vẫn có thể chăm sóc tốt. Ông không đồng ý với ý kiến của bà O cho rằng ông đồng ý chia mỗi người nuôi một cháu, vì lúc bà O dẫn cháu N đi, ông nghĩ bà O chỉ hù dọa, bà O đi rồi lại về, nên ông mới để cho bà O dẫn cháu N đi. Sau một thời gian thì ba của bà O tự dẫn cháu N ra nhà ông và nói để gia đình ông nuôi, sau đó bà O nhắn tin nói ông dẫn cháu N vào nhưng ông không đồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung như trên, bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 76/2024/HNGĐ-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim O về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn ông Phan Thanh M.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Kim O và ông Phan Thanh M.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phan Hồ Ánh N, sinh ngày 05/3/2019 cho bà Hồ Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, giao cháu Phan Hồ Ngọc D, sinh ngày 28/12/2016 cho ông Phan Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Không bên nào phải cấp nuôi con cho bên nào.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 05/4/2024, bị đơn ông Phan Thanh M có đơn kháng cáo một phần bản án về nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – luật sư Nguyễn Thị Tuyết S trình bày*: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định để tuyên bản án không khách quan, đánh giá chứng cứ không đúng sự thật, áp dụng pháp luật không đầy đủ,

không chính xác, dẫn đến việc xử giao cháu N cho bà O nuôi dưỡng là hoàn toàn không có căn cứ, bởi các lý do sau:

Thứ nhất, về điều kiện để nuôi con thì ông M có điều kiện hơn bà O, ông có nhà ở ổn định, có nhà cho thuê, có thu nhập từ việc kinh doanh Bida; có tài chính đảm bảo để nuôi con, thể hiện ở việc học của hai cháu D và cháu N một mình ông M nuôi từ hai năm nay bà O không quan tâm, cháu N, hiện đang học trường Thánh Gióng, ngoài ra, cháu còn được ông M cho học thêm ở trường của trẻ tự kỷ, mỗi tháng tiền học phí của cháu N và cháu D từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ. Trong khi đó, bà O không có nhà ở, bà đang sống cùng với mẹ và anh trai của bà trong căn nhà cấp 4 chật chội, phòng khách thì bà dùng làm kinh doanh bán tàu hủ đá; thu nhập thì bấp bênh lúc có lúc không, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không chứng minh được thu nhập thực tế mỗi tháng của bà O là bao nhiêu, mà chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận kinh doanh tàu hủ đá của bà O để nhận định bà O có đủ điều kiện nuôi con và giao con cho bà O nuôi dưỡng là thiếu căn cứ.

Thứ hai, về thời gian để chăm con thì, hiện tại ông M làm nghề kinh doanh có thuê người quản lý; có người giúp việc lo cho các con ăn uống, nên điều kiện về thời gian thì ông M đủ điều kiện để chăm các con. Trong khi đó, bà O kinh doanh bán tàu hủ đá, một mình bà phải tập trung cho việc buôn bán tàu hủ đá, nên không có thời gian để chăm sóc con. Tại biên bản trình bày của bà O và tại phiên tòa bà O thừa nhận: sau khi vợ chồng bà cãi nhau bà và ông M thỏa thuận bà nuôi cháu N, ông M nuôi cháu D nên tháng 12/2022 bà O dẫn cháu N về sống cùng với bà tại Đ, ba của bà đã tự ý bùng cháu N ra cho ông M. Điều này chứng tỏ bà O không có thời gian cộng với điều kiện kinh tế khó khăn, nên bà không chăm sóc, bỏ bê cháu N, ba của bà thấy thương xót cháu nên tháng 5/2023 ông đã lên bùng cháu N ra lại T để trả cho ông M chăm sóc, vì ông M có điều kiện hơn, đồng thời bà O đã không quan tâm đến cháu N, từ khi cháu N về sống với ông M bà không đến thăm, bà còn nhắn tin đòi tiền “*Nếu ông M đưa cho bà 200.000.000đ coi như tiền thuê osin với để thuê, thì em cam kết không gặp hai đứa nhỏ nữa*”, điều đó chứng tỏ rằng bà O không có đủ điều kiện về kinh tế, không đủ điều kiện để nuôi con, nhất là cháu N bị bệnh tự kỷ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao, thì khi Tòa án quyết định việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét đến quyền lợi tốt nhất của trẻ, tránh sự xáo trộn cuộc sống của các con. Ông M có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian và hiện tại ông M đang nuôi hai cháu D và N ổn định từ tháng 5 năm 2023 đến nay, hai cháu đáng phát triển bình thường, nhưng cấp sơ thẩm xử giao cháu N cho bà O là không đảm bảo làm ảnh hưởng đến việc sinh hoạt hằng ngày của các cháu và nhất là ảnh hưởng đến việc học tập của cháu N, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M, sửa bản án sơ thẩm giao 2 cháu D và N cho ông M nuôi dưỡng.

Về phần án phí ly hôn sơ thẩm, mặc dù nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà O, đồng thời bà O và ông M thuận tình ly hôn nhưng cấp sơ thẩm buộc bà O phải chịu toàn bộ án

phí là không đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa phần án phí buộc bà O và ông M chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Nam tham gia phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Thanh M, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2024/HNGĐ-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng: Tòa án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn bị đơn thuận tình ly hôn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không đúng với Nghị quyết số 01/2024, thì thấy: Tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ. Đồng thời, tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử thì Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chưa có hiệu lực thi hành, việc Luật sư đề nghị áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày về nội dung kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa và nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/4/2024 bị đơn ông Phan Thanh M kháng cáo một phần bản án về nuôi con chung. Xét thấy kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý để giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan Thanh M thì thấy:

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà Hồ Thị Kim O và ông Phan Thanh M đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Hồ Ngọc D, sinh ngày 28/12/2016 và cháu Phan Hồ Ánh N, sinh ngày 05/3/2019. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ của cha,

mẹ nên nguyện vọng nuôi con của ông M, bà O là chính đáng, cần được xem xét. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con.

Xét về điều kiện nuôi con thì thấy: Mặc dù, ông M và bà O không chứng minh thu nhập thực tế hằng tháng của từng người là bao nhiêu, tuy nhiên ông M, bà O đều cung cấp chứng cứ chứng minh bà O kinh doanh tàu hủ đá, còn ông M kinh doanh Bida, nên cả hai đều có thu nhập ổn định. Ông M cho rằng, ông có điều kiện kinh tế, có nhà cho thuê, bà O không đủ điều kiện về chỗ ở, không có thu nhập ổn định để nuôi con, tuy nhiên tại các (BL số 84 đến 105) thể hiện bà O đang kinh doanh dịch vụ ăn uống (*Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp cho bà O ngày 08/11/2023*), có thu thập ổn định và đang ở nhà mẹ ruột của bà là bà Lê Thị N1 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, xét điều kiện về chỗ ở và thời gian, thu nhập thì cả ông M và bà O đều làm nghề kinh doanh nên có thu nhập ổn định và thời gian như nhau, vì vậy việc ông M cho rằng bà O không có công việc làm ổn định, không có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân và không có chỗ ở ổn định, là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà O và ông M đều thừa nhận sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà và ông M đã thỏa thuận ông M nuôi cháu D, bà O nuôi cháu N, nên tháng 12/2022 bà O bỗng cháu N bỏ về nhà mẹ bà để sống. Tại phiên tòa, bà O cho rằng: “Ba, mẹ của bà đã ly hôn từ lâu, khoảng tháng 5/2023, ba của bà đến xin chở cháu N đi chơi rồi ông tự ý lên bà chở cháu N ra nhà ông M, khi bà không thấy ông đưa cháu N về, bà điện thoại và biết được ông đã đưa cháu N ra nhà ông M, nên bà gọi điện, nhắn tin yêu cầu ông M trả cháu N lại cho ba bà dẫn về nhưng ông M không đồng ý (BL162), từ đó hai bên nhắn tin qua lại bà bức xúc có nhắn tin nói ông M đưa cho bà 200 triệu đồng coi như bà làm osin và để thuê (*từ BL 162 đến 178 và 191 đến 213*); ông M cũng thừa nhận ba của bà O là người dẫn cháu N giao cho ông. Như vậy, thể hiện khi bà O bỏ nhà ra đi bà đã bỗng theo cháu N, việc bị đơn cho rằng bà O đã bỏ bê, không đủ điều kiện chăm sóc, bà O giành quyền nuôi cháu N với mục đích đòi tiền của ông M là hoàn toàn không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy ông M, bà O đều có đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên, đối với cháu Phan Hồ Ngọc D, hiện nay đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với ông M, bà O đồng ý giao cháu D cho ông M nuôi dưỡng, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu D cho ông M nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Riêng đối với cháu N còn nhỏ (mới 5 tuổi) là con gái, lại bị chậm phát triển về ngôn ngữ và tư duy (*Theo kết luận tại Giấy khám sức khỏe ngày 16/8/2023 của Bệnh viện P*), để đảm bảo điều kiện chăm sóc cho cháu N, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu N cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M không chứng minh được bà O không đủ điều kiện để nuôi con, đồng thời cháu N là con gái còn nhỏ (mới 5 tuổi), bị chậm phát triển về ngôn ngữ và tư duy, nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, nhất là sự thấu hiểu về tâm sinh lý của con gái khi đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu N của

ông M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần nuôi con.

[3] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà O, bà O và ông M thuận tình ly hôn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà O phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa phần án phí buộc bà O và ông M chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ. Đồng thời, tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử thì Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chưa có hiệu lực thi hành, việc Luật sư đề nghị áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông M không được chấp nhận nên ông M phải chịu phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Thanh M. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2024/HNGĐ-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam về “*Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. *Về con chung*: Giao cháu Phan Hồ Ánh N, sinh ngày 05/3/2019 cho bà Hồ Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành; Giao cháu Phan Hồ Ngọc D, sinh ngày 28/12/2016 cho ông Phan Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập xem xét.

Các bên có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở; không được lạm dụng quyền thăm nom con để làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của chung. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Phan Thanh M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001312 lập ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND TP. Tam Kỳ;
- CCTHADS TP. Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên